TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HSPT
Ngày 22 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Thẩm phán:*Ông Phạm Ngọc Thành

Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 183/2024/HSPT ngày 31 tháng 10 năm 2024 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, kháng cáo của các bị cáo, người đại diện cho các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2024/HSST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đối với các bị cáo bị kháng nghị và có kháng cáo:

1. Phạm Văn K, sinh ngày 22/4/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ (nay là xã Q), huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là H1); tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bản án số 91/2024/ HS - ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Văn K: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1974 (bố bị cáo) và bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là H1), sinh năm 1977 (mẹ bị cáo). Đều cư trú: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bùi Bảo T, sinh ngày 19/5/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi ĐKHK thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện H, Thái Bình; nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch:

Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Bùi Trường N và bà Trần Thị C; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Quyết định số 74 ngày 10/6/2023 của Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi có dấu hiệu của tội "Gây rối trật tự công cộng" xảy ra ngày 19/4/2023 bằng hình thức "Cảnh cáo". Bản án số 91/2024/HS- ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi B: Ông Bùi Trường N, sinh năm 1982 (bố bị cáo) và bà Trần Thị C, sinh năm 1982 (mẹ bị cáo); nơi ĐKHK thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt bà C, vắng mặt ông N.

3. Nguyễn Mạnh C1, sinh ngày 01/6/2006; tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đỗ Thị T2; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 25/5/2023, "Cố ý gây thương tích" Công an huyện H khởi tố, ngày 06/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà ra Quyết định số 07/QĐ- VKSHH ngày 06/10/2023 đình chỉ điều tra vụ án đối với bị cáo và Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 153/QĐ - XPHC ngày 17/10/2023 về hành vi "Cố ý gây thương tích" bằng hình thức phạt tiền (chưa thực hiện); bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/5/2024 đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Mạnh C1: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982 (bố bị cáo) và bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1983 (mẹ bị cáo). Đều cư trú: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Có mặt bà T2, vắng mặt ông T1.

4. Nguyễn Trung Đ1, sinh ngày 17/8/2007tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ (nay là xã Q), huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Trung D và bà Nguyễn Thị D1; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi" từ ngày 04/5/2024 đến ngày 11/9/2024 bị Công an huyện P, tỉnh Hưng Yên bắt tạm giam do có hành vi gây rối trật tự công cộng, hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Trung Đ1: Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1982 (bố bị cáo). Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ (nay là xã Q), huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

5. Đào Duy N1, sinh ngày 14/02/2007; tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Học sinh, học tại lớp 11A3

Trường THPT N5, huyện H, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Đào Đình T3 và bà Trần Thị T4; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bản án số 91/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" bị tạm giam từ ngày 02/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đào Duy N1: Ông Đào Đình T3, sinh năm 1979 (bố bị cáo) và bà Trần Thị T4, sinh năm 1986 (mẹ bị cáo). Đều cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt

6. Đỗ Văn Trung T5, sinh ngày 31/8/2006 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Học sinh, học tại Trường THPT T23; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không, con ông Đỗ Văn T6 (Đã chết) và bà Trần Thị H2; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi trú" từ ngày 04/5/2024 đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đào Văn Trung T7: Bà Trần Thị H2, sinh năm 1970 (mẹ bị cáo). Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

7. Vũ Trọng T8, sinh ngày 29/11/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Vũ Trọng N2 và bà Bùi Thị L; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/5/2024 đến ngày 19/12/2024 bị Công an huyện H bắt tạm giam do có hành vi "Cố ý gây thương tích", hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Trọng T8: Ông Vũ Trọng N2, sinh năm 1982 (bố bị cáo) và bà Bùi Thị L, sinh năm 1985 (mẹ bị cáo). Đều cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

8. Vũ Văn H3, sinh ngày 10/01/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Đ2 (bố dượng - đã chết) và bà Vũ Thị T9; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/5/2024 đến nay.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Văn H3: Bà Vũ Thị T9, sinh năm 1974 (mẹ bị cáo). Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

9. Phạm Minh V, sinh ngày 25/11/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Là học sinh, học tại lớp 10A5 Trường THPT N5, huyện H, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn Đ3 (Đã chết) và bà Phạm Thị H4; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/5/2024 đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Minh V: Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1985 (mẹ bị cáo). Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

10. Nguyễn Trung H5, sinh ngày 17/12/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Quang H6 và bà Đoàn Thị T10; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97 ngày 10/6/2023 của Công an huyện H về hành vi có dấu hiệu "Gây rối trật tự công cộng" xảy ra ngày 19/4/2023, bằng hình thức phạt cảnh cáo. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/5/2024 đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Trung H5: Ông Nguyễn Quang H6, sinh năm 1959 (bố bị cáo) và bà Đoàn Thị T10, sinh năm 1971 (mẹ bị cáo). Đều cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt bà T10, vắng mặt ông H6.

11. Trần Đình T11, sinh ngày 28/5/2006 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Đình T12 và bà Trần Thị H7; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 15/5/2024 đến nay. Có mặt.

12. Trần Minh H8, sinh ngày 26/6/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Trung P (ông P đang thi hành án tại trại giam T24, N, Thanh Hóa) và bà Trần Thị N3; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 68 ngày 10/6/2023 của Công an huyện H bằng hình thức Cảnh cáo do có hành vi có dấu hiệu của tội "Gây rối trật tự công cộng". Ngày 22/4/2024 có hành vi gây rối trật tự công cộng, Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình ra Quyết định khởi tố bị can. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Minh H8: Bà Trần Thị N3, sinh năm 1984 (mẹ bị cáo). Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

13. Đỗ Vũ Ngọc H9, sinh ngày 15/10/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Học sinh, học tại lớp 10A2 Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đ; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Đỗ Ngọc T13 và bà Vũ Thị H10; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/5/2024 đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9: Ông Đỗ Ngọc T13, sinh năm 1978 (bố bị cáo) và bà Vũ Thị H10, sinh năm 1987 (mẹ bị cáo). Đều cư trú: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Có mặt bà H10, vắng mặt ông T13.

14. Nguyễn Thái B1, sinh ngày 01/12/2007 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Học sinh, học tại lớp 11A3 Trung tâm giáo dục dậy nghề , giáo dục thường xuyên huyện H; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T14 và bà Lương Thị L1; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/5/2024 đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thái B1: Ông Nguyễn Văn T14, sinh năm 1982 (bố bị cáo) và bà Lương Thị L1, sinh năm 1982 (mẹ bị cáo). Đều cư trú tại: Tổ dân phố T thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt bà L1 vắng mặt ông T14.

** Những người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị cáo:*

1. Bà Trần Thị L2, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, người bào chữa cho các bị cáo: Bùi Bảo T, Phạm Văn K, Đào Duy N1, Trần Minh H8, Nguyễn Thái B1, Phạm Minh V, Vũ Trung Đ4, Vũ Trọng T8. Có mặt.

2. Ông Lê Chí D2, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, người bào chữa cho các bị cáo: Nguyễn Trung H5, Vũ Văn H3, Đỗ Văn Trung T5, Trần Đình T11. Có mặt.

3. Ông Đào Quang N4 Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, người bào chữa cho bị cáo: Nguyễn Mạnh C1. Có mặt.

4. Bà Phan Thị Minh H11 Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, người bào chữa cho bị cáo: Đỗ Vũ Ngọc H9. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo rút kháng cáo: Bùi Quang A, sinh ngày

02/02/2005; nơi cư trú: thôn K, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình, các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 27/4/2024, nhóm thanh niên ở huyện Đ tỉnh Thái Bình và nhóm thanh niên ở huyện H tỉnh Thái Bình tụ tập rủ nhau điều khiển xe mô tô đi trên các trục đường giao thông, khi đi mang theo hung khí, vũ khí thô sơ như phóng lợn, tuýp sắt và kiếm, vỏ chai bia với mục đích đi đánh nhau với nhóm thanh niên ở địa bàn khác, giữa hai nhóm thanh niên ở huyện H và Đ không có mâu thuẫn gì trước đó. Khi nhóm thanh niên ở huyện H trên đường đi từ huyện V về đến khu vực ngã tư T, quốc lộ C thuộc thôn L, xã M, huyện Đ thì gặp nhóm thanh niên ở huyện Đ vừa đi sang huyện H về đang dừng xe ngồi chơi ở vỉa hè, nhóm thanh niên huyện H đi qua gặp và có lời lẽ chửi bới, khiêu khích nhóm thanh niên huyện Đ. Tại đây, hai nhóm thanh niên đã xảy ra xô xát. Trong quá trình xảy ra xô xát cả hai nhóm điều khiển xe mô tô lạng lách, đánh võng đuổi nhau trên đường và dùng hung khí, vũ khí, ném, đánh nhau. Nhóm thanh niên ở huyện H còn có hành vi đập phá phương tiện của nhóm Đông H12 và gây thương tích cho nhóm của huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Nội dung cụ thể như sau:

1. Việc tụ tập và hình thành lên nhóm thanh niên ở huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào tối ngày 27/4/2024: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 27/4/2024, Nguyễn Mạnh C1 cư trú ở thôn A, xã L huyện Đ nhắn tin cho Trần Xuân Á, sinh ngày 03/12/2008 ở thôn H, xã H (Các đối tượng thường gọi Á là A1) qua ứng dụng Messenger Facebook rủ Á buổi tối lên thành phố T đánh nhau với nhóm thanh niên các huyện khác trong hội nhóm "Leo Top 17" trên ứng dụng Facebook (thành viên nhóm này phần lớn là các thanh niên sinh năm từ 2005 đến 2008 trên địa bàn tỉnh Thái Bình, các nhóm nhỏ được phân định theo Xê ri chữ cái và số thứ tự theo quy định của từng huyện, thường xuyên tụ tập đua xe, mang theo hung khí, gây gổ đánh nhau mặc dù không mâu thuẫn gì), Á đồng ý. Á rủ thêm bạn là Đỗ Vũ Ngọc H9, Phạm Lê Ngọc A2 ở thôn L, xã T và Nguyễn Huy L3, ở thôn K, xã A huyện Đ đi cùng.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/4/2024, Á điều khiển xe mô tô đi đến khu vực ngã tư T, huyện Đ để đón Ngọc A2 và Đỗ Vũ Ngọc H9 nhưng không gặp nên Á vào nhà Nguyễn Đường Gia S, sinh năm 2005 là bạn ở xã T chơi. Tại đây, Á gặp bạn là Đào Duy B2, ở thôn N, xã Đ. Sau đó, Ngọc A2, Ngọc H9 và C1 đi cùng Lương Trường T15, Nguyễn Việt H13 đều cư trú ở thôn H, xã L đến nhà S. Tại nhà S, Á bảo C1 đi lấy kiếm để chuẩn bị đi đánh nhau, C1 và Ngọc H9 đi

lấy kiếm đã cất giấu sẵn ở bụi chuối gần khu vực cầu Đ, xã L, còn Á, T15, H13, Ngọc A2 và B2 đi ra ngoài đầu ngõ nhà S đứng đợi. T15 gọi điện thoại cho Trần Ngọc T16, ở thôn B, xã H, Ngọc A2 gọi điện thoại cho Vũ Tiến Đ5 ở thôn Q, xã Đ rủ đi đánh nhau và hẹn T16, Đ5 tập trung ở ngã tư T. Lúc này, C1 và Ngọc H9 lấy được 04 thanh kiếm và 01 ná cao su (nỏ cao su) thường dùng để bắn chim. Ánh, C1, Ngọc H9 và Ngọc A2 mỗi người cầm 01 thanh kiếm, C1 cầm thêm 01 ná bắn chim rồi cùng đi lên ngã tư T. T16 điều khiển xe mô tô của T16 đến nhà rủ Trần Công M, sinh ngày 15/7/2008, cư trú ở thôn B, xã H. Sau đó, H13 đi xe mô tô của H13 chở T15 và Á, H9 đi xe mô tô chở theo Ngọc A2 và B2, những người này ngồi sau và mỗi người cầm 01 thanh kiếm. M chở T16, C1, trong đó C1 cầm kiếm và 01 ná cao su, khi đến chân cầu K, T16 dừng lại lấy khẩu trang che biển số xe, cùng lúc đó Đ5 điều khiển xe mô tô chở theo Trần Văn H14, ở thôn V, xã T đến. Do M không đi tham gia cùng nhóm nữa và vào trong quán I chơi nên C1 ngồi sang xe của Đ5, còn T15 ngồi sang xe của T16. C1 đưa cho T16 cầm 01 Ná cao su.

Tất cả tiếp tục điều khiển xe đi đến khu vực phía sau Trường Trung học phổ thông Đ6 thì gặp Lê Đức C2 có cầm theo thanh kiếm, Đào Văn V1, , Nguyễn Anh T17, Nguyễn Trọng T18, đều cư trú ở thôn A, xã A, Bùi Tuấn A3, Nguyễn Hoàng H15 và Nguyễn Cao V2, đều cư trú tại thôn K, xã A đi trên 04 xe mô tô. Nhóm này cùng có mục đích lên cổng Bệnh viện phụ sản để đón Nguyễn Huy L3, để đi đánh nhau vì trước đó Á đã gọi điện rủ L3, L3 đồng ý. Tại đây, Á rủ mọi người nhập nhóm rồi cùng đi đón L3, cả nhóm đồng ý.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm lên đến thành phố, mọi người trong nhóm đi quanh thành phố T nhưng không tìm được nhóm nào để đánh nhau, còn T16, T18, V2, H15 và T17 ra cổng Bệnh viện phụ sản đón L3. Sau đó, toàn bộ mọi người trong nhóm quay về khu vực tượng đài B ở phường H, thành phố T, tại đây cả nhóm thống nhất đi về huyện H để tìm người đánh nhau, khi về đến thị trấn Đ, T16 đón M ở quán Internet. Khi cả nhóm đi đến thị trấn H khu vực đèn tín hiệu giao thông Ngã 6 thì gặp 01 nhóm thanh niên đi 03 xe mô tô có 05 người, Á rút thanh kiếm đang cầm ra dọa, trong nhóm chỉ một vài người cũng nhảy xuống đuổi theo nhưng những người trên bỏ chạy nên mọi người trong nhóm Đông H12 không đuổi theo mà quay về. Khi về đến T thuộc xã M, huyện Đ, 12 người đã rời khỏi nhóm, gồm: Nguyễn Huy L3, cư trú tại xã A quay về Bệnh viện phụ sản tỉnh T. Lê Đức C2 (đã vứt thanh kiếm mang theo ở vệ đường Đ nhặt được), Đào Văn V1, Nguyễn Anh T17, Nguyễn Trọng T18, Bùi Tuấn A3, Nguyễn Hoàng H15, Nguyễn Cao V2, Nguyễn Việt H13, Trần Công M đều trú tại xã A, huyện Đ; Trần Ngọc T16, trú tại xã H; Nguyễn Đường Gia S, trú tại xã T huyện Đ đi về nhà.

Những người còn lại trong nhóm đứng chơi trên vỉa hè ở N thuộc thôn L, xã M

huyện Đ gồm: Nguyễn Mạnh C1 ở xã L; T, Đỗ Vũ Ngọc H9, Phạm Lê Ngọc A2 ở xã H; Đào Duy B2 ở xã Đ; Lương Trường T15 ở xã L; Vũ Tiến Đ5 ở xã Đ; Trần Văn H14 ở xã T ở lại và cùng nhau mang vũ khí và hung khí cất giấu vào bụi chuối ở khu vực chân cầu Đ thuộc xã L huyện Đ, gồm 05 chiếc kiếm và 01 chiếc ná cao su, sau đó quay lại ngã tư T đứng chơi.

2. Việc tụ tập và hình thành lên nhóm thanh niên huyện H tỉnh Thái Bình vào tối ngày 27/4/2024: Trưa ngày 27/4/2024, 08 đối tượng tập trung chơi G tại quán Internet “S" tại thị trấn H gồm Bùi Bảo T, Bùi Quang A, Hoàng Duy P1, Nguyễn Trung Đ1, Phạm Văn K, Nguyễn Tiến T19, Phạm Tiến T20, Trần Đình H16. Trong lúc ngồi chơi, Phạm Tiến T20 rủ mọi người đến tối sẽ tụ tập đi đánh nhau ở huyện V vì có người không biết tên tuổi nhắn tin trên mạng chửi nhau với T20 và hẹn 21 giờ cùng ngày gặp đánh nhau ở khu vực cầu T, huyện V tỉnh Thái Bình. Tất cả đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng trên tập trung tại bãi đất trống gần quán Internet “S”. Tại đây, Nguyễn Tiến T19 và Phạm Tiến T20 rủ thêm 08 người gồm Nguyễn Trung H5, Trần Minh H8, Nguyễn Thái B1, Đào Duy N1, Trần Ngọc B3, Phạm Văn H17, Đỗ Văn Trung T5, Trần Đình T11, Nguyễn Nam T21.

N1 rủ thêm 05 người gồm Vũ Trọng T8, Trần Văn D3, Phạm Minh V, Vũ Văn H3 và Nguyễn Duy A4, đều cư trú ở xã Đ, huyện H để đi đánh nhau. Mọi người đồng ý.

Sau đó tất cả điều khiển xe mô tô di chuyển ra vòng xuyến Đ thị trấn H để lấy hung khí, vũ khí đã được cất giấu sẵn tại đó. Đến nơi thấy Hoàng Văn V3 đã có mặt ở đây từ trước. Lúc này, V3, Phạm Tiến T20, Nguyễn Tiến T19 và Thế lấy vũ khí từ bụi cây chia cho B3, K, T5, Quang A, H16, D3 mỗi người cầm 01 “phóng lợn” tự chế được làm từ thanh tuýp sắt hàn gắn với dao bầu. T11, T21, B1, Nguyễn Tiến T19 cầm tuýp sắt (Trong đó V3 mang theo 03 phóng lợn và 01 tuýp sắt, Nguyễn Tiến T19 mang theo 01 phóng lợn, T5 mang theo 02 phóng lợn, Phạm Tiến T20 cầm 02 tuýp sắt). Tất cả đi trên 11 xe mô tô, gồm: Bùi Bảo T đi xe mô tô số 17B4-724.79 là xe của mẹ Phạm Tiến T20 chở Phạm Tiến T20 và Phạm Văn K ngồi sau, K cầm chiếc phóng lợn; Nguyễn Trung Đ1 điều khiển xe mô tô biển số 17 B4 -734.65 của gia đình Đ1 chở Trần Đình H16 ngồi sau cầm phóng lợn; Trần Minh H8 điều khiển xe Honda A5 là xe do Bùi Quang A mượn của bạn đã trả, không nhớ biển số chở Quang A ngồi sau cầm phóng lợn; Nguyễn Trung H5 điều khiển xe mô tô biển số 17 B4 - 734.65 chở Nguyễn Thái B1; Đào Duy N1 điều khiển xe mô tô biển số 17B4 -734.65 chở Nguyễn Tiến T19 ngồi sau cầm tuýp sắt; Hoàng Văn V3 điều khiển xe mô tô biển số 17B4 - 757.34 của nhà Nguyễn Nam T21 chở T21 ngồi sau cầm tuýp sắt; Hoàng Duy P1 điều khiển xe mô tô biển số 17B4 -724.79 của gia đình Trần Đình T11 chở

T11 ngồi sau cầm tuýp sắt; Phạm Văn H17 điều khiển xe mô tô của bạn chở Đỗ Văn T22 T5 ngồi sau cầm phóng lợn; Nguyễn Duy A4 điều khiển xe mô tô mượn của bạn chở Trần Ngọc B3 ngồi sau cầm phóng lợn; Vũ Trọng T8 điều khiển xe mô tô loại Wave 50 cc, biển số 17AA - 453.59 chở Phạm Minh V ngồi sau cầm vỏ chai bia lấy được trên đường đi thuộc địa bàn huyện V tỉnh Thái Bình; Vũ Văn H3 điều khiển xe mô tô biển số 17B4 -756.43 của gia đình H3 chở Trần Văn D3 ngồi sau cầm theo phóng lợn do Nguyễn Thái B1 đưa và cầm vỏ chai bia vừa lấy được trên đường đi thuộc địa bàn huyện V tỉnh, Thái Bình.

Các đối tượng điều khiển xe mô tô đi theo hướng đường C rồi đi vào đường liên huyện đến cầu T, huyện V nhưng không gặp được nhóm người đã hẹn Phạm Tiến T20 đánh nhau ở khu vực cầu T. Sau đó, tất cả nhóm thống nhất đi về hướng huyện Đ. Khi đi qua cầu T khoảng 03 đến 04 km, Trần Văn D3 và Phạm Minh V xuống xe lấy 02 két vỏ chai bia Hà Nội của gia đình anh Nguyễn Văn L4 sinh năm 1980, ở thôn P, xã X, huyện V để ở mép tường đưa cho B1 03 vỏ chai bia, T21 01 vỏ chai bia, D3 và V cầm mỗi người 02-03 vỏ chai bia, số còn lại thì vứt bỏ trên đường. Sau đó, B1 đưa lại cho D3 chiếc tuýp sắt của B1 đang cầm rồi cầm vỏ chai bia. Các đối tượng đi theo hướng đường tránh thành phố T đến ngã tư G rồi theo Quốc lộ A về thị trấn Đ, sau đó đi vào Quốc lộ C để về huyện H.

Hành vi gây rối tại ngã tư T thuộc thôn L, xã M huyện Đ: Khoảng 22 giờ ngày 27/4/2024, lúc này trên đường có nhiều phương tiện tham gia giao thông, nhóm thanh niên huyện H đi về đến ngã tư T, Quốc lộ C thuộc thôn L, xã M huyện Đ thì gặp nhóm thanh niên huyện Đ gồm: Nguyễn Mạnh C1, Trần Xuân Á, Đỗ Vũ Ngọc H9, Phạm Lê Ngọc A2, Đào Duy B2, Lương Trường T15, Vũ Tiến Đ5 và Trần Văn H14 đang đứng nói chuyện với nhau ở trên vỉa hè bên phải đường theo chiều đi. T chở Phạm T20 và K đi sau cùng, K nhận ra trong số người trên có Á là người trước đây có ấn tượng xấu với nhóm Hưng H18 nên K ngồi sau cầm "phóng lợn" kéo, quẹt phần dao xuống mặt đường và có một số lời lẽ chửi bới, khiêu khích nhóm thanh niên huyện Đ. Ánh thấy thế đã chửi lại và vẫy tay bảo nhóm Hưng H18 quay lại đây. Thấy vậy, K bảo T điều khiển xe đuổi theo nhóm Hưng H18 và cùng hô gọi mọi người trong nhóm H12 H18 quay lại để đánh nhau với nhóm của huyện Đ.

Trần Xuân Á nhóm ở huyện Đ đoán nhóm H sẽ quay lại nên bảo cả nhóm đi lấy hung khí tại nơi cất giấu rồi quay lại ngã tư T đợi nhóm H đến. H14 điều khiển xe mô tô của Ngọc H9 chở Ngọc H9 và Ngọc A2; Đ5 điều khiển xe mô tô của Đ5 chở C1 và B2; T15 điều khiển xe mô tô chở Á, những người ngồi sau là Ngọc H9, Á, B2 và C1 và Ngọc A2 mỗi người cầm 01 chiếc kiếm, C1 cầm theo 01 chiếc ná cao su; khi vừa mang hung khí quay lại ngã tư T được một lát thì nhóm Hưng H18 đi quay lại ngã tư T. Lúc này nhóm ở H do Hoàng Duy P1 chở

Trần Đình T11 đi trước lao thẳng vào vị trí nhóm Đông H12 đang ngồi. T11 cầm tuýp sắt nhảy xuống xe định lao vào đánh nhóm Đông H12 thì bị Á, C1, Ngọc H9 và B2 cầm kiếm đuổi đánh, T11 bỏ chạy và ném tuýp sắt về phía nhóm Đ. Cùng lúc này, những người còn lại trong nhóm Hưng H18 đã quay lại. B1, Nguyễn Trung H5, V, T5, Vũ Văn H3 cầm vỏ chai bia ném về phía nhóm Đông H12 và chửi bới, do T15 không cầm hung khí nên đã bỏ chạy vào trong nhà người dân gần đó để trốn, Ngọc H9 vứt bỏ thanh kiếm trên tay xuống đường. Trần Văn H14 chạy ra đường nhặt chiếc tuýp sắt của T11 nhóm của H12 H18 định đuổi đánh nhóm Hưng H18 nhưng thấy nhóm H12 H18 quay lại đông quá nên H14 đã ném tuýp sắt xuống vỉa hè rồi lấy xe chở Ngọc H9 bỏ chạy rẽ vào ngã ba hướng đi thôn D, xã M huyện Đ.

Cả 02 nhóm tiếp tục điều khiển xe lạng lách, đánh võng, hò hét, quẹt kiếm xuống đường truy đuổi, đánh nhau tại khu vực ngã tư T, trong đó T21, B1, D3, B2 cầm vỏ chai bia ném, Ngọc A2 chạy vào nhà người dân ẩn nấp. Á chạy bộ đuổi đánh T11 thì bị Nguyễn Tiến T19 cầm tuýp sắt vụt một phát trúng vào đầu Á làm Á ngã ra đường, sau đó Á tiếp tục đứng lên bỏ chạy và bị rơi kiếm. Trong lúc Đào Duy B2 bỏ chạy lên khu vực vỉa hè thì bị vấp nên bị rơi thanh kiếm cầm trên tay. T11 nhặt kiếm đuổi theo chém sượt vào chân trái của B2, đồng thời B2 bị một số đối tượng trong nhóm H12 H18 dùng tuýp sắt và chân, tay đánh ở khu vực trạm chờ xe buýt cạnh cổng trường Trung học phổ thông T25. Thấy nhóm Hưng H18 đông hơn nên C1 gọi Đ5 lấy xe mô tô chở Á và C1 bỏ chạy vào trục đường liên xã hướng đi UBND xã T, nhìn thấy vậy thì H14 chở H9 đi theo xe của Đ5.

Lúc này, nhóm Hưng H18 gồm: T chở K và Phạm Tiến T20, Trần Minh H8 chở Quang A, Đ1 chở H16, Duy A4 chở B2, Văn H3 chở D3 đuổi theo nhóm của Đông H12, khi đi đến ngã ba thôn D, xã M huyện Đ, do không làm chủ tốc độ nên xe của H14 đã đâm vào bờ tường nhà dân ven đường nên bị ngã ra đường. Ngọc H9 nhảy xuống xe bỏ chạy rồi nấp vào mép đường cạnh ao gần đó để trốn còn H14 bị nhóm H12 H18 lao vào đánh. Cụ thể, Phạm Tiến T20 dùng chân đá 02 nhát, K dùng chân đá 02 cái, T dùng chân đá 01 cái, B2 dùng chân đá 01 cái, Đ1 dùng chân đá 02 cái vào đầu và người Hùng ở tư thế H14 đang ngồi xổm hai tay ôm đầu. Quang A dùng phần ống tuýp của "phóng lợn" vụt vào đùi H14 một cái; H16 dùng "phóng lợn" chém vào đầu H14 một nhát theo hướng từ trên xuống dưới và dùng "phóng lợn" chọc thủng lốp xe mô tô của H14. Sau khi đánh H14 nhóm Hưng H18 đi về. Khi đi ra ngã tư T, H16 tiếp tục dùng "phóng lợn" chọc thủng lốp xe và chém rơi biển số xe mô tô của Ngọc A2 rồi cả nhóm cùng nhau đi về thị trấn H. Trên đường về, B1 ném 02 vỏ chai bia xuống ruộng; 02 chiếc phóng lợn do T21, T5 cầm và 02 chiếc tuýp sắt do T21, Nguyễn Tiến T19 cầm đều đã vứt ở khu vực ruộng và ven đường, số hung khí, vũ khí còn lại

gồm 04 phóng lợn còn lại do H16, B2, Quang A, K đưa lại cho Phạm Tiến T20, các đối tượng cất giấu tại bãi cỏ ven đường T, Quốc lộ A thị trấn H, 03 thanh kiếm nhặt được của nhóm Đ, mọi người trong nhóm đưa lại cho Phạm Tiến T20 cất giấu tại nóc nhà vệ sinh tầng 1 quán Internet "SKT Gaming" ở thị trấn H. Sau đó tất cả đi về quán "S" chơi Game.

Đối với nhóm Đ, sau khi xảy ra sự việc, C1 cầm theo 02 thanh kiếm của nhóm mang về nhà Vũ Đinh Hoàng A6, sinh năm 2005, trú tại thôn P, xã L cất giấu rồi cùng Á và B2 ngủ tại đó đến sáng hôm sau thì về nhà. Ngọc H9 cầm chiếc tuýp sắt nhặt được của nhóm Hưng H18 mang về vất xuống ao.

Hậu quả: Trần Văn H14 bị thương tích ngoài da ở vùng đầu và trầy xước phần cánh tay trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 03%; Đào Duy B2 bị rách da ở cẳng chân trái và một số vết trầy xước, bầm tím da ở hai tay và dưới lòng bàn chân phải, không phải điều trị tại cơ sở y tế nào; Trần Xuân Á bị sưng phần đỉnh đầu và 02 vết xước da ở chân, không phải điều trị tại cơ sở y tế nào. Xe mô tô của Ngọc H9 và Ngọc A2 bị hư hỏng nhẹ. Ngày 09/6/2024, gia đình các bị cáo Nguyễn Trung Đ1, Đào Duy N1, Vũ Văn H3, Phạm Văn K, Trần Minh H8, Bùi Bảo T, Phạm Tiến T20 và gia đình các đối tượng Trần Văn D3, Nguyễn Duy A4 đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả về thương tích đã gây nên cho Trần Văn H14 số tiền là 45.000.000 đồng. Trần Văn H14 và đại diện gia đình đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT - VKSĐH ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố các bị cáo Phạm Tiến T20, Phạm Văn K, Nguyễn Tiến T19, Đỗ Văn Trung T5, Hoàng Văn V3, Bùi Bảo T, Bùi Quang A, Hoàng Duy P1, Trần Minh H8, Trần Ngọc B3, Trần Đình T11, Nguyễn Trung H5, Nguyễn Thái B1, Đào Duy N1, Phạm Văn H17, Nguyễn Trung Đ1, Vũ Văn H3, Vũ Trọng T8, Nguyễn Nam T21, Phạm Minh V; Nguyễn Mạnh C1, Đỗ Vũ Ngọc H9, Đào Duy B2, Trần Văn H14, Phạm Lê Ngọc A2, Vũ Tiến Đ5 và Lương Trường T15 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình quyết định:

I. Về tội danh. Tuyên bố các bị cáo Phạm Tiến T20, Phạm Văn K, Nguyễn Tiến T19, Đỗ Văn Trung T5, Hoàng Văn V3, Bùi Bảo T, Bùi Quang A, Hoàng Duy P1, Trần Minh H8, Trần Ngọc B3, Trần Đình T11, Nguyễn Trung H5, Nguyễn Thái B1, Đào Duy N1, Phạm Văn H17, Nguyễn Trung Đ1, Vũ Văn H3, Vũ Trọng T8, Nguyễn Nam T21, Phạm Minh V, Nguyễn Mạnh C1, Đỗ Vũ Ngọc H9, Đào Duy B2, Trần Văn H14, Phạm Lê Ngọc A2, Vũ Tiến Đ5 và Lương Trường T15 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" .

II. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến T20 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án số 91/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, buộc bị cáo Phạm Văn K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2024.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Bảo T 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 91/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, buộc bị cáo Bùi Bảo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2024.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Quang A 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2024.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc B3 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Duy N1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án số 91/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, buộc bị cáo Đào Duy N1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2024.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Trung T5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Trọng T8 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H3 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Minh V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H5 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày bị cáo đi thi hành án.

15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đình T11 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T19 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Duy P1 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

18. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh H8 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

19. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

20. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam T21 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

21. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Duy B2 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

22. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái B1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

23. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91,Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H14 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

24. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H17 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn H17 cho U, huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

25. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Lê Ngọc A2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Lê Ngọc A2 cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

26. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Tiến Đ5 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Tiến Đ5 cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

27. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Trường T15 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Trường T15 cho UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử lý về vật chứng và quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

*Ngày 23/9/2024:

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn K là bà Nguyễn Thị H kháng cáo, ngày 24/9/2024 bị cáo Phạm Văn K kháng cáo, đều xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trung H5 là bà Đoàn Thị T10 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

*Ngày 24/9/2024 bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo;

*Ngày 25/9/2024:

- Bị cáo Nguyễn Thái B1 kháng cáo xin được hưởng án treo;

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Trung Đ1 là ông Nguyễn Trung D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ1;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh V, bà Phạm Thị H4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo V được hưởng án treo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Trọng T8 là bà Bùi Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo T8 hưởng án treo.

*Ngày 26/9/2024 bị cáo Vũ Văn H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

*Ngày 30/9/2024 bị cáo Đỗ Văn Trung T5 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo;

*Ngày 02/10/2024 các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho các bị cáo sau kháng cáo:

- Bị cáo Bùi Bảo T và ngày 23/9/2024 người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Bảo T là bà Trần Thị C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T;

- Bị cáo Bùi Quang A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Bị cáo Đào Duy N1 cùng đại diện hợp pháp là bà Trần Thị T4 và ông Đào Đình T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N1;

- Bị cáo Trần Minh H8 và ngày 26/9/2024 đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Trần Thị N3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Bị cáo Trần Đình T11 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

* Ngày 03/10/2024 bị cáo Nguyễn Mạnh C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

* Ngày 04 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng kháng nghị bản án số 99/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Đông Hưng theo hướng giảm hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Văn Trung T5; Vũ Văn H3, Phạm Minh V và Vũ Trọng T8.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo và người đại diện cho các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Người bào chữa các cho bị cáo đều đồng ý về tội danh mà các bị cáo đã bị truy tố và xét xử nhưng đều cho rằng hình phạt đối với các bị cáo là quá

nghiêm khắc. Các bị cáo khi phạm tội đều còn là người chưa thành niên, có bị cáo còn đang đi học và hiện nay vẫn đang theo học tại các trường trung học phổ thông trong tỉnh vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến chính sách pháp luật áp dụng đối với người chưa thành niên để sửa hình phạt cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Đối với các bị cáo có nhân thân tốt, ý thức pháp luật tốt, đề nghị HĐXX cân nhắc không cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương có ấn định thời gian thử thách để các bị cáo có cơ hội được rèn luyện, tu dưỡng thành người có ích. Đối với các bị cáo có vai trò thứ yếu đề nghị xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo từ 3 tháng đến 9 tháng tù.

Các bị cáo và người đại diện của các bị cáo thống nhất nội dung bào chữa như Người bào chữa đã trình bày và không trình bày bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận toàn bộ kháng nghị và một phần kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 99/2024/HSST ngày 20/9/2024 theo hướng giảm hình phạt cho hưởng án treo đối với các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ gồm: Đỗ Văn Trung T5, Vũ Văn H3, Đỗ Vũ Ngọc H9, Phạm Minh V. Giữ nguyên hình phạt, chuyển biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thái B1; đối với các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vai trò thứ yếu, đề nghị giảm hình phạt gồm: Trần Đình T11, Đào Duy N1, Nguyễn Trung H5, Vũ Trọng T8. Đối với các bị cáo chủ mưu, cầm đầu, tích cực, có nhân thân xấu cần giữ nguyên hình phạt gồm: Phạm Văn K, Bùi Bảo T, Nguyễn Mạnh C1, Nguyễn Trung Đ1, Trần Minh H8.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo, làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toàn hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai tại phiên toà sơ thẩm, phù hợp với nhau và còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: khoảng 22 giờ ngày 27/4/2024,

tại khu vực Ngã tư T thuộc thôn L xã M huyện Đ tỉnh Thái Bình, các bị cáo trong nhóm của huyện H tỉnh Thái Bình gồm 20 người trong đó 01 người trên 18 tuổi, 19 người trên 16 tuổi dưới 18 tuổi, 03 người dưới 16 tuổi là: Bùi Quang A (đủ 18 tuổi), Phạm Tiến T20, Phạm Văn K, Nguyễn Tiến T19, Đỗ Văn Trung T5, Hoàng Văn V3, Bùi Bảo T, Hoàng Duy P1, Trần Minh H8, Trần Ngọc B3, Trần Đình T11, Nguyễn Trung H5, Nguyễn Thái B1, Đào Duy N1, Phạm Văn H17, Nguyễn Trung Đ1, Vũ Văn H3, Vũ Trọng T8, Nguyễn Nam T21, Phạm Minh V mang theo tuýp sắt, phóng lợn, vỏ chai bia, điều khiển xe mô tô với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, hò hét rượt đuổi đánh nhau với nhóm 07 bị cáo ở huyện Đ có 06 người trên 16 tuổi và 01 người dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô mang theo kiếm, ná cao su gồm: Nguyễn Mạnh C1, Đỗ Vũ Ngọc H9, Đào Duy B2, Trần Văn H14, Phạm Lê Ngọc A2, Vũ Tiến Đ5 và Lương Trường T15. Hai bên điều khiển xe lạng lách, đánh võng, hò hét, quẹt kiếm xuống đường, truy đuổi, đánh nhau trên trục đường giao thông thuộc địa bàn xã M, huyện Đ. Trần Văn H14 trong nhóm thanh niên ở huyện Đ bị ngã xe và bị một số người trong nhóm ở huyện H đánh bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể 3%, dùng phóng lợn chọc thủng lốp xe của Trần Văn H14 và chọc rách biển số xe của Phạm Lê Ngọc A2. Hành vi trên của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Đ tỉnh Thái Bình. Vì vậy Toà án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử các bị cáo về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng thấy: Hành vi của các bị cáo Đỗ Văn T22 Thế chuẩn bị hung khí, Vũ Văn H3, Phạm Minh V và Vũ Trọng T8 cùng lấy trộm vỏ chai bia Hà Nội trên đường đi thuộc địa phận huyện V để làm hung khí đi đánh nhau và tham gia gây rối trật tự công cộng tại khu vực ngã tư T, xã M, huyện Đ, ngoài các bị cáo còn có nhiều các bị cáo khác cùng tham gia nhưng khi thấy nhóm Đông H12 bỏ chạy thì đã không tiếp tục tham gia đánh nhau nữa, quá trình xảy ra xô xát các bị cáo cũng chưa sử dụng hung khí nên vai trò thấp hơn các bị cáo tham gia tích cực khác là đúng, cấp sơ thẩm đã xác định vai trò của các bị cáo tương đương với các bị cáo tham gia tích cực để quyết định mức án có phần nghiêm khắc. Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Vũ Trọng T8 có hành vi vi phạm pháp luật mới thể hiện sự coi thường pháp luật nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giảm hình phạt cho các bị cáo Đỗ Văn Trung T5, Vũ Văn H3, Phạm Minh V, không chấp nhận giảm hình phạt cho bị cáo Vũ Trọng T8.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo Phạm Văn K, Bùi Bảo T, Nguyễn Mạnh C1, Nguyễn Trung Đ1, thấy các bị cáo có vai trò tích cực trong vụ án khi trực tiếp chuẩn bị hung khí, điều khiển xe lạng lách, đánh võng, hô hào các bị cáo khác gây kích động tinh thần, C1 là người khởi xướng, nhắn tin lên nhóm đe rủ rê các bị cáo khác, chuẩn bị hung khí, T là người trực tiếp lái xe chở bị cáo K cầm hung khí quẹt xuống đường, có lời lẽ khiêu khích hô gọi mọi người đánh nhau. Sau khi đuổi

nhau trên đường, nhóm Đông H12 bỏ chạy, các bị cáo K và Đ1 cùng với Trần Minh H8, Phạm Tiến T20, Bùi Quang A, Trần Ngọc B3 tiếp tục tham gia đánh bị cáo Trần Văn H14. Đối với bị cáo Trần Minh H8, không phải là người khởi xướng, cầm đầu, nhưng tham gia tích cực, cùng K, Đức đuổi đánh nhóm Đông Hưng đến cùng, mặt khác các bị cáo K, T, Đ1, C1, H8 có nhân thân xấu trong thời gian ngắn đã có nhiều hành vi vi phạm pháp luật đã bị bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc đang bị điều tra, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo không cao, khó có khả năng cải tạo giáo dục nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, mặt khác bị cáo K, T, Đ1, H8 còn đang bị tạm giam trong vụ án khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Trọng T8, do bị cáo phạm tội mới trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và đang bị tạm giam nên kháng nghị giảm nhẹ hình phạt, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo không được chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Đào Duy N1 và đại diện hợp pháp của bị cáo N1, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung H5 đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trung H5 thấy: các bị cáo có vai trò không đáng kể trong vụ án, khi phạm tội đều là người chưa thành niên, bị cáo Đào Duy N1 tuy không gây ra thương tích cho anh H14 trong vụ án nhưng đã tích cực tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình anh H14, các bị cáo Đào Duy N1, Nguyễn Trung H5 đã nộp án phí sơ thẩm thể hiện ý thức tự giác chấp hành pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo Đỗ Văn Trung T5, bị cáo Vũ Văn H3, Bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9, bị cáo Phạm Minh V, bị cáo Nguyễn Thái B1, bị cáo Trần Đình T11: Thấy: Các bị cáo khi phạm tội đều là người chưa thành niên, là học sinh đang theo học tại các trường trung học phổ thông, đến thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo T5, H9, V, B1 vẫn đang là học sinh, sinh viên, bị cáo V, H9, B1 vẫn là người chưa thành niên, sau khi phạm tội có ý thức chấp hành pháp luật tốt, có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã nhận rõ sai lầm khuyết điểm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có hành vi vi phạm pháp luật khác nên có khả năng giáo dục, cải tạo thành công dân tốt, việc giảm hình phạt cho các bị cáo và không cần thiết phải cách ly các bị cáo Đỗ Văn Trung T5, Vũ Văn H3, bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9, bị cáo Phạm Minh V khỏi đời sống xã hội không làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội, giúp các bị cáo yên tâm cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và địa phương cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe và thể hiện chính sách ưu tiên của Nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị Đỗ Văn Trung T5, Vũ Văn H3, Đỗ Vũ Ngọc H9, Phạm Minh V giảm hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Đối với bị cáo Trần Đình T11 và Nguyễn Thái B1, mức hình phạt cấp sơ thẩm quyết định tương xứng với hành vi phạm tội nên giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

[8] Đối với bị cáo Bùi Quang A, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa nên Toà án cấp phúc thẩm đã đình chỉ giải quyết kháng cáo của bị cáo.

[9] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo bị cáo Trần Đình T11, bị cáo Đỗ Văn Trung T5, bị cáo Vũ Văn H3, bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9, bị cáo Phạm Minh V, bị cáo Nguyễn Thái B1, bị cáo Đào Duy N1, bị cáo Nguyễn Trung H5 được chấp nhận nên các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của người đại diện cho các bị cáo và cáo Phạm Văn K, Bùi Bảo T, Vũ Minh H19, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh C1, kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Trung Đ1, kháng cáo của bị cáo Vũ Trọng T8 không được chấp nhận nên người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo bị cáo Đỗ Văn Trung T5, bị cáo Vũ Văn H3, bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9, bị cáo Phạm Minh V, bị cáo Nguyễn Thái B1, bị cáo Đào Duy N1, bị cáo Nguyễn Trung H5.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Đình T11.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp và của các bị cáo Phạm Văn K, Bùi Bảo T, Vũ Minh H19, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh C1, kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Trung Đ1, bị cáo Vũ Trọng T8.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 99/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

I. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K, Bùi Bảo T, Nguyễn Mạnh C1, Nguyễn Trung Đ1, Vũ Trọng T8, Trần Đình T11, Đỗ Văn Trung T5, Vũ Văn H3, Phạm Minh V, Đào Duy N1, Nguyễn Trung H5, Đỗ Vũ Ngọc H9, Trần Minh H8, Nguyễn Thái B1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" .

II. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án số 91/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, buộc bị cáo Phạm Văn K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2024.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Bảo T 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 91/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, buộc bị cáo Bùi Bảo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2024.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Trọng T8 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đình T11 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22/01/2025.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Trung T5 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22/01/2025.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H3 01 (một) năm 9 (chín) tháng tù nhưng

cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22/01/2025.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Minh V 01 (một) năm 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22/01/2025.

Giao các bị cáo Trần Đình T11 cho UBND xã T; bị cáo Đỗ Văn Trung T5 cho UBND xã U, bị cáo Vũ Văn H3 và Phạm Minh V cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Duy N1 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án số 91/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, buộc bị cáo Đào Duy N1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2024.

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh H8 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H5 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22/01/2025.

Giao bị cáo Đỗ Vũ Ngọc H9 cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái B1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22/01/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Thái B1 cho UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Đình T11, Đỗ Văn Trung T5, Vũ Văn H3, Phạm Minh V, Đào Duy N1, Nguyễn Trung H5, Đỗ Vũ Ngọc H9, Nguyễn Thái B1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Phạm Văn K, Bùi Bảo T, Nguyễn Mạnh C1, Nguyễn Trung Đ1, Trần Minh H8 phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Trọng T8 là bà Bùi Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 22 tháng 01 năm 2025.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA h.Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền